

Số: /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 186/TTr-STNMT ngày 22 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo hướng dẫn tại Công văn số 1388/UBND-KSTT ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng quy trình tin học hóa giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Hành

chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh QB;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Hoàng

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH VÀ SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Danh mục thủ tục hành chính công bố mới

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ BCCI
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 20 ngày làm việc.	Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất: - Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/đề án. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm, mức thu 1.100.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 2.600.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và	Không

				<ul style="list-style-type: none"> - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm, mức thu 5.000.000 đồng/hồ sơ. 	<p>Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh.</p>	
2	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm</p>	<p>35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 20 ngày làm việc.</p>	<p>Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới</p>	<p>Phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm, mức thu 200.000 đồng/đề án. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 550.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm, mức thu 1.300.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 	<p>- Luật tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p>	Không

				3.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 2.500.000 đồng/hồ sơ.	- Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	- 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 20 ngày làm việc. - Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên	Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	1. Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác nước dưới đất: - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm, mức thu 1.100.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 2.600.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 5.000.000 đồng/hồ sơ. 2. Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ	Không

		<p>và Môi trường gửi thông báo cho Chủ giấy phép và Cục thuế tỉnh Quảng Bình kèm theo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/hồ sơ. - Báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 1.100.000 đồng/hồ sơ. - Báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm, mức thu 2.600.000 đồng/hồ sơ. - Báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm, mức thu 5.000.000 đồng/hồ sơ. 	<p>phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh.</p>	
4	<p>Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000m³/ngày đêm</p>	<p>35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 20 ngày làm việc.</p>	<p>Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới</p>	<p>Phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh đề án, báo cáo khai thác nước dưới đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 550.000 đồng/hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về 	Không

				<ul style="list-style-type: none"> - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm, mức thu 1.300.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm, mức thu 2.500.000 đồng/hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh. 	
Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản	- 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường	Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09	<ul style="list-style-type: none"> Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt: - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/giờ; cho phát điện với công suất dưới 50KW; cho mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 600.000 đồng/hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về 		

5	<p>xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biên cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000</p>	<p>hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 20 ngày làm việc. - Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho Chủ giấy phép và Cục thuế tỉnh Quảng Bình kèm theo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai</p>	<p>đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới</p>	<p>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m³/giây đến dưới 0,5m³/giây ; cho phát điện với công suất từ 50KW đến dưới 200KW; cho mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 3000 m³/ngày đêm, mức thu 1.800.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³/giây đến dưới 1m³/giây ; cho phát điện với công suất từ 200KW đến dưới 1000KW; cho mục đích khác với lưu lượng từ 3000 m³/ngày đêm đến dưới 20.000 m³/ngày đêm, mức thu 4.300.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m³/giây đến dưới 2 m³/giây</p>	<p>phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Không</p>
---	--	---	--	---	--	--------------

	m ³ /ngày đêm	thác tài nguyên nước.		<p>; cho phát điện với công suất từ 1000KW đến dưới 2000KW; cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm, mức thu 8.200.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đối với trường hợp lưu lượng không nằm trong danh mục nêu trên thì áp dụng mức thu theo quy định của Bộ Tài chính.</p>		
6	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 20 ngày làm việc.	Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	<p>Phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt:</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/giây; cho phát điện với công suất dưới 50KW; cho mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 300.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến</p>	Không

<p>kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m³/ngày đêm</p>		<p>lượng từ 0,1 m³/giây đến dưới 0,5m³/giây ; cho phát điện với công suất từ 50KW đến dưới 200KW; cho mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 3000 m³/ngày đêm, mức thu 900.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³/giây đến dưới 1m³/giây ; cho phát điện với công suất từ 200KW đến dưới 1000KW; cho mục đích khác với lưu lượng từ 3000 m³/ngày đêm đến dưới 20.000 m³/ngày đêm, mức thu 2.150.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m³/giây đến dưới 2 m³/giây ; cho phát điện với công suất từ 1000KW đến dưới 2000KW; cho mục đích</p>	<p>điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh.</p>
---	--	---	--

				khác với lưu lượng từ 20.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 4.100.000 đồng/hồ sơ. - Đối với trường hợp lưu lượng không nằm trong danh mục nêu trên thì áp dụng mức thu theo quy định của Bộ Tài chính.		
7	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 20 ngày làm việc.	Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước: - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả dưới 100 m ³ /ngày đêm, mức thu 600.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm, mức thu 1.800.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 2.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 4.300.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 2.000	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia	Không

				m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 8.200.000 đồng/hồ sơ.	hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh.	
8	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 20 ngày làm việc.	Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước: - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả dưới 100 m ³ /ngày đêm, mức thu 300.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm, mức thu 900.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 2.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 2.150.000 đồng/hồ sơ. - Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 2.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm, mức thu 4.100.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh	Không

					Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh.	
9	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hợp lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức sau thẩm định 07 ngày làm việc.	Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất, mức thu 1.400.000 đồng/hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 40/2014/TT- BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất - Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh. 	Có
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Trung tâm hành chính công tỉnh	Phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất,	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi 	Có

	giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức sau thẩm định 07 ngày làm việc.	Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	mức thu 700.000 đồng/hồ sơ.	tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Nghị quyết số 40/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định một số loại phí, lệ phí, học phí và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh.	
--	---	---	---	-----------------------------	--	--

2. Danh mục thủ tục hành chính bị công bố bãi bỏ

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy công bố bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển đối với tổ chức, cá nhân tại Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 02/3/2015	Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng	Chuẩn hóa nội dung công bố TTHC theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT.

	của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.	sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
2	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển đối với tổ chức, cá nhân tại Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.	Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Chuẩn hóa nội dung công bố TTHC theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT.
3	Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước đối với tổ chức, cá nhân tại Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.	Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Chuẩn hóa nội dung công bố TTHC theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT.
4	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất đối với tổ chức, cá nhân tại Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình.	Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Chuẩn hóa nội dung công bố TTHC theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT.